

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CÁC MÔ HÌNH CANH TÁC TRONG TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Lâm Văn Linh¹, Vũ Anh Pháp², Hà Thanh Toàn², Lâm Văn Tân³

TÓM TẮT

Đánh giá hiệu quả tài chính của các mô hình canh tác tại 03 vùng sinh thái ngọt, lợ và mặn ở trong và ngoài đê của huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mô hình canh tác có hiệu quả trong tái cơ cấu nông nghiệp là việc rất cấp thiết. Qua khảo sát 150 hộ tại 03 vùng sinh thái tại huyện Thanh Phú và áp dụng phương pháp phân tích hồi quy tương quan cho thấy nhân tố diện tích, chi phí giống, chi phí vật tư có ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình. Vùng trong đê, mô hình Tôm càng xanh - lúa cho lợi nhuận cao nhất (trung bình là 37,4 triệu đồng), mô hình Tôm càng xanh - dưa cho lợi nhuận khá và mô hình độc canh cây lúa (2 vụ/năm) cho lợi nhuận thấp nhất (trung bình là 25,6 triệu đồng). Vùng ngoài đê, bị mặn thì mô hình Tôm quảng canh - cua là mô hình có lợi nhuận cao nhất (38,86 triệu đồng).

Từ khóa: Hiệu quả tài chính, vùng sinh thái ngọt, lợ, mặn

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với mô hình canh tác nông nghiệp hiệu quả là chủ trương mà các địa phương trên cả nước đang triển khai nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế trên cơ sở cơ cấu lại ngành nông nghiệp, mục đích cuối cùng là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn, phát triển kinh tế, xã hội bền vững (Thủ tướng Chính phủ, 2013).

Quá trình tái cơ cấu nông nghiệp rất khác nhau dựa trên điều kiện địa phương, sự tiếp cận và thực hiện các chính sách, lợi thế so sánh các vùng có ảnh hưởng rất lớn đến tiến trình và hiệu quả của tái cơ cấu nông nghiệp. Theo Parson (1999), nghiên cứu về những xu hướng vùng miền của tái cơ cấu nông nghiệp ở Canada đã cho thấy tái cơ cấu nông nghiệp có ảnh hưởng ở cấp độ nông hộ, giúp nông dân duy trì lợi nhuận hoặc loại ra khỏi nông nghiệp, tái cơ cấu nông nghiệp ở có sự khác biệt về các hoạt động nông nghiệp giữa các vùng. Hiện nay, ở Việt Nam, tái cơ cấu nông nghiệp mới khởi đầu, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật còn hạn chế nên chưa tạo chuyển biến rõ nét, việc triển khai chưa được đồng bộ, thiếu phương pháp, chậm tùy thuộc vào địa phương (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2016).

Huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre đã thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp từ 2013 đến nay, đã nhân rộng các mô hình hiệu quả, phát triển kinh tế vườn và kinh tế biển, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, xây dựng các vùng chuyên canh cây trồng, vùng cây trồng kết hợp nuôi thủy sản; ổn định nghề nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ môi trường; bước đầu hình thành mối liên kết tiêu thụ giữa nông dân với doanh nghiệp, xây dựng được vùng nguyên liệu.

Tái cơ cấu nông nghiệp đã tạo nên diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, đời sống được cải thiện. Tác động và sự đóng góp vào sự phát triển kinh tế địa phương của tái cơ cấu nông nghiệp là vấn đề rất cấp thiết hiện nay (Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Phú, 2018; Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bến Tre, 2018). Vì vậy, nghiên cứu này nhằm đánh giá quá trình thực hiện, xác định các yếu tố ảnh hưởng và rút ra các mô hình hiệu quả để nhân rộng góp phần cải thiện tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên các mô hình sản xuất nông nghiệp gồm: Tôm càng xanh - lúa; Tôm càng xanh - dưa; Tôm sú - lúa; Tôm quảng canh - cua. Đồng thời, các thông tin thu thập từ người nông dân canh tác và thông tin có liên quan của cơ quan quản lý nhà nước.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp tiếp cận

Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận có sự tham gia thông qua sử dụng phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia (PRA), (Nguyễn Duy Cần và Nico Vromant, 2006), để thu thập thông tin liên quan đến các mô hình sản xuất. Sử dụng phiếu điều tra nông hộ để đánh giá hiệu quả tài chính của các mô hình sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

- Thu thập số liệu thứ cấp: Số liệu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau như: Niên giám thống kê tỉnh Bến Tre, huyện Thanh Phú; các báo cáo của Sở

¹Nghiên cứu sinh ngành Phát triển nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ

²Trường Đại học Cần Thơ; ³Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre

Nông nghiệp và PTNT Bến Tre và Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Thu thập số liệu sơ cấp: Số mẫu quan sát được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng (mô hình). Mỗi mô hình, đầu tiên phỏng vấn KIP (8 - 10

người) gồm đại diện ban ngành xã, cán bộ chuyên môn và nông dân am hiểu địa bàn để lấy thông tin và điều chỉnh Bảng phỏng vấn, tiếp theo đó mỗi mô hình phỏng vấn 30 mẫu (nông hộ), chọn diện tích mỗi nông hộ từ 0,2 ha đến 1 ha.

Bảng 1. Cơ cấu mẫu điều tra

Tiểu vùng sinh thái	Địa điểm (xã)	Mô hình canh tác	Số mẫu phỏng vấn
Vùng trong đê (ngọt - lợ)	Tân Phong	Lúa 2 vụ	30
	Quới Điền	Tôm càng xanh - Lúa	30
	Thới Thạnh	Tôm càng xanh - Dừa	30
Vùng ngoài đê (mặn)	An Nhơn	Tôm sú - Lúa	30
	Thạnh Hải	Tôm quảng canh - Cua	30

Trước khi sử dụng phiếu phỏng vấn trực tiếp nông dân, các nội dung trong phiếu được tiến hành phỏng vấn thử để kiểm tra tính phù hợp của phiếu phỏng vấn, đồng thời hiệu chỉnh phiếu cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn nghiên cứu.

2.2.3. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu điều tra

- Phân tích đặc điểm, nguồn lực nông hộ, hiệu quả tài chính các mô hình, số liệu sẽ nhập, mã hóa và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel và SPSS phiên bản 16.

- Phương pháp thống kê mô tả: Sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích thực trạng các mô hình sản xuất nông nghiệp, nguồn lực như diện tích, kinh nghiệm sản xuất, học vấn, tuổi của nông hộ.

- Phân tích hiệu quả tài chính: Hiệu quả tài chính của các mô hình được phân tích dựa trên sự so sánh các chỉ tiêu tài chính của mô hình thông qua sự điều tra nông hộ. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm:

+ Lợi nhuận mô hình = Tổng giá trị sản phẩm của mô hình – Tổng chi phí tiền mặt.

+ Hiệu quả vốn: Đây là chỉ tiêu quan trọng cần để so sánh hiệu quả của các mô hình sản xuất trong nông nghiệp của nông hộ, hiệu quả đồng vốn càng cao tức là mang lại nhiều lợi tức mô hình này so với mô hình khác.

Hiệu quả đồng vốn = Tổng lợi nhuận mô hình/ Tổng chi phí tiền mặt.

- Phương pháp phân tích hồi quy tương quan: Dùng hàm hồi quy tổng thể để đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực vào quá trình sản xuất:

$$Y = a + b_1x_1 + b_2x_2 + \dots + b_ix_i$$

Trong đó: Y là biến phụ thuộc (thu nhập); X₁, X₂, X_i là các biến độc lập; a là hằng số; b₁, b₂,..., b_i gọi là hệ số hồi qui.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trong thời gian từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017 trên địa bàn huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre thuộc vùng sinh thái ngọt, lợ và mặn.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Phân tích các nguồn thu nhập của nông hộ

Sau khi điều tra 150 nông hộ và phân loại có 5 mô hình sản xuất (MH) phổ biến trong vùng nghiên cứu, gồm: MH 1: lúa 02 vụ; MH 2: Tôm càng xanh (TCX) - Lúa; MH 3: Tôm càng xanh - Dừa; MH 4: Tôm sú - Lúa; MH 5: Tôm quảng canh (TQC) - Cua. Nghề nghiệp chính của người dân trong vùng chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, do đó thu nhập từ sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng rất lớn đến tổng thu nhập nông hộ. Tổng thu nhập nông hộ là thu nhập từ các nguồn như: tự sản xuất nông nghiệp, làm thuê nông nghiệp và hoạt động phi nông nghiệp.

Qua phân tích thống kê (bảng 2), tổng các nguồn thu nhập của nông hộ có khác biệt nhau ở mức ý nghĩa 5%. Thu nhập trung bình từ mô hình 1 là 76,56 triệu đồng/ha, trong đó: thu nhập mô hình sản xuất chiếm 73% tổng thu nhập nông hộ, thu nhập từ làm thuê nông nghiệp chiếm 8,6% và thu nhập khác chiếm 22,4% tổng thu nhập nông hộ. Qua kết quả trên cho thấy thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp là rất cao trong tổng thu nhập, điều này có thể nói người dân trong vùng chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Mô hình 2, tổng các nguồn thu nhập trung bình của các hộ trong mô hình này là 122,16 triệu đồng/năm, trong đó thu nhập từ mô hình 2 chiếm 87,7% tổng thu nhập nông hộ, thu nhập từ làm thuê chiếm 4% và thu nhập khác chiếm 8,4% tổng thu nhập nông hộ. Điều này cho thấy trong mô hình 2 phần lớn thu nhập nông hộ tập trung vào sản

xuất nông nghiệp, ít đi làm thuê và kinh doanh mua bán. Hiện nay, mô hình này cũng được nhiều người dân nơi đây chọn để phát triển sản xuất.

Mô hình 3, tổng các nguồn thu nhập trung bình của các hộ trong mô hình này là 71,52 triệu đồng/năm, trong đó thu nhập từ mô hình 3 chiếm 60,4% tổng thu nhập nông hộ, thu nhập từ làm thuê chiếm 4,8% và thu nhập khác chiếm 34,8% tổng thu nhập nông hộ. Các hộ canh tác trong mô hình này tương đối rảnh rỗi, ngoài việc nuôi tôm và chăm sóc vườn dứa các hộ này còn làm thêm các ngành nghề khác như kinh doanh mua bán, bắt cá, tôm tự nhiên. Ở mô hình này người dân tận dụng mương vườn dứa để thả tôm, đây là mô hình rất lý tưởng và cũng góp phần quan trọng trong việc tăng thêm thu nhập cho nông hộ. Mô hình 4 tổng thu nhập trung bình của các hộ trong mô hình này là 64,78 triệu đồng/năm, trong đó thu nhập từ mô hình 4 chiếm 76% tổng thu nhập nông hộ, thu nhập từ làm thuê chiếm 3% và thu

nhập khác chiếm 21% tổng thu nhập nông hộ. Các hộ trong mô hình này ngoài thu nhập chính từ mô hình ra còn có thêm khoảng thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong tổng thu nhập nông hộ. Mô hình 5 tổng thu nhập trung bình của các hộ trong Mô hình này là 81,19 triệu đồng/năm. Trong đó, thu nhập từ mô hình 5 chiếm 88,3% tổng thu nhập nông hộ, thu nhập từ làm thuê chiếm 4,1% và thu nhập khác chiếm 7,7% tổng thu nhập nông hộ. Qua kết quả trên cho thấy thu nhập từ hoạt động nuôi thủy sản chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng thu nhập nông hộ, điều này có thể nói người dân trong vùng chủ yếu hoạt động nuôi thủy sản là chính và rất có tâm huyết với nghề này, có thể nói đây là nghề sống còn của họ và mọi thu nhập đều hy vọng hết vào nghề này. Do đó có thể nói nghề nuôi Tôm quảng canh - cua hiện nay là nghề rất quan trọng, chính vì vậy sự quyết định và mức đầu tư của chủ hộ là rất quan trọng trong nuôi thủy sản.

Bảng 2. So sánh các nguồn thu nhập của nông hộ

Các nguồn thu	Nông hộ	Lúa 02 vụ	Tôm CX - Lúa	Tôm CX - Dừa	Tôm sú - Lúa	Tôm QC-Cua
Thu nhập từ SXNN của nông hộ (%)		73	87,7	60,4	76,0	88,3
Thu nhập từ làm thuê (%)		8,6	4,0	4,8	3,0	4,1
Thu nhập khác (%)		22,4	8,3	34,8	21,0	7,7
Tổng các nguồn thu nhập (triệu đồng/ha)		76,56 ^{bc}	122,16 ^a	71,52 ^c	64,78 ^d	81,19 ^b
<i>min</i>		44	82	44	44	55
<i>max</i>		89	159	89	87	89
SD		10,71	18,87	10,57	10,11	7,61

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 150 hộ tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre năm 2017.

Ghi chú: Trong cùng một hàng, các số có cùng chữ số khác biệt qua kiểm định Duncan ở mức ý nghĩa 5%.

3.2. Đánh giá hiệu quả tài chính các mô hình sản xuất nông hộ

Qua bảng 3 cho thấy, mô hình 5 (Tôm quảng canh - Cua) với tổng chi phí trung bình 33,16 triệu đồng/ha, lợi nhuận cao nhất 38,86 triệu đồng/ha và hiệu quả vốn cao (1,17). Kế đến mô hình 2 (Tôm càng xanh - Lúa) có lợi nhuận cao 37,4 triệu đồng/ha; tuy nhiên, hiệu quả vốn thì thấp (0,54) do chi phí cao nhất 69,41 triệu đồng/ha. Mô hình 3 (Tôm càng xanh - Dừa) có lợi nhuận cao 34,03 triệu đồng/ha, và hiệu quả vốn cao nhất (1,46) trong các mô hình. Mô hình 4 (Tôm sú - Lúa) tổng chi phí thấp, lợi nhuận khá cao và hiệu quả vốn trung bình (0,88). Thấp nhất là mô hình 1 (Lúa 02 vụ) tổng chi phí trung bình là 33,34 triệu đồng, lợi nhuận thấp nhất 25,6 triệu đồng, nhưng hiệu quả vốn trung bình (0,76).

Qua kết quả phân tích trên cho thấy chi phí đầu tư, lợi nhuận và hiệu quả vốn ở các mô hình có sự khác biệt khá lớn. Mô hình 5 (Tôm quảng canh - Cua) có lợi nhuận cao nhất và chi phí trung bình, hiệu quả vốn cao nhưng dễ rủi ro nên nên chỉ nông dân chủ động nguồn nước sạch tốt mới nên áp dụng. Mô hình Tôm càng xanh - Lúa có lợi nhuận cao nhưng chi phí rất cao nên có hiệu quả vốn thấp nên rủi ro cao, hộ nông dân có cơ sở hạ tầng tốt, có nguồn nước sạch, tay nghề cao được tập huấn, có thị trường đầu ra ổn định mới nên áp dụng. Mô hình Tôm càng xanh - Dừa hiệu quả vốn tương đối cao so với các mô hình khác. Điều này cho thấy đối với từng loại cây trồng, vật nuôi nếu muốn có lợi nhuận cao thì chi phí đầu tư cũng cao và ngược lại, cho nên việc chọn lựa cây trồng, vật nuôi cho từng mô hình cũng tùy thuộc vào năng lực tay nghề của hộ, nguồn lực đầu tư và điều kiện cơ sở hạ tầng hiện tại ở nơi đó.

Bảng 3. So sánh hiệu quả kinh tế của các mô hình

Chỉ tiêu \ Mô hình	Lúa 02 vụ	TCX-lúa	TCX-dừa	Tôm sú-Lúa	Tôm QC-Cua
TB Thu nhập (nghìn đồng/ha)	54,36 ^c	107,93 ^a	43,26 ^d	49,56 ^{cd}	70,66 ^b
min	27	67	25	34	35
max	69	147	58	69	100
SD	11,9	25,34	9,23	10,34	16,64
Tổng chi phí (nghìn đồng/ha)	33,34 ^b	69,41 ^a	23,52 ^c	32,83 ^b	33,16 ^b
min	22	44	12	14	34
max	46	98	36	46	78
SD	4,48	17,06	7,59	9,19	11,61
Lợi nhuận (nghìn đồng/ha)	25,60 ^c	37,40 ^{ab}	34,03 ^b	28,60 ^c	38,86 ^a
B/C	0,76	0,54	1,46	0,88	1,17
min	16	23	23	16	23
max	36	54	47	47	54
SD	6,06	8,15	7,42	7,53	7,73

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 150 hộ tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre năm 2017.

Ghi chú: Trong cùng một hàng, các số có cùng chữ số khác biệt qua kiểm định Duncan ở mức ý nghĩa 5%.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ khi thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp

Hiệu quả sản xuất của các mô hình sản xuất sẽ bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau. Trong nghiên cứu này phương trình hồi quy đa biến được ứng dụng để tìm ra những nhân tố, cũng như mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên thu nhập của mô hình.

3.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập mô hình Lúa 2 vụ

Qua kết quả bảng 4 cho thấy, đối với mô hình Lúa 2 vụ, trong số các biến khảo sát gồm: (X1) kinh nghiệm sản xuất, (X2) tuổi chủ hộ, (X3) diện tích,

(X4) trình độ học vấn, (X5) chi phí vật tư, (X6) tổng lao động và (X7) là chi phí giống, thì có 3 biến: diện tích, chi phí vật tư và tổng lao động có mối quan hệ có ý nghĩa ở mức 1% và tác động tích cực đến biến phụ thuộc (thu nhập của mô hình). Có nghĩa là các yếu tố khác không thay đổi, khi diện tích tăng lên 1 ha thì thu nhập sẽ tăng 13,28 triệu đồng, tương tự khi chi phí lao động tăng lên một ngày thì thu nhập sẽ tăng 1.410 đồng. Ngược lại khi chi phí vật tư càng tăng thì thu nhập càng giảm, có nghĩa là khi đầu tư tăng thêm 1.000 đồng thì thu nhập sẽ giảm 1.150 đồng. Các biến còn lại không ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình.

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi qui tương quan MHI

Yếu tố	Hệ số B	SE	Beta	t	Sig.	VIF
X ₁ Kinh nghiệm sản xuất	-97,72	91,29	-0,13	-1,07	0,29	1,50
X ₂ Tuổi chủ hộ	-84,87	72,27	-0,13	-1,17	0,25	1,23
X ₃ Diện tích đất sản xuất	13278,25	3573,07	0,38	3,71	0,001	1,48
X ₄ Trình độ học vấn	2451,43	1021,84	0,27	2,39	0,02	1,06
X ₅ Chi phí vật tư	-1,15	0,20	-0,53	-5,56	0,00	1,75
X ₆ Tổng lao động	1,41	0,18	0,95	7,66	0,00	1,48
X ₇ Chi phí giống	-2,77	1,09	-0,28	-2,52	0,02	
Hằng số	1153,72	6988,09		0,16	0,87	1,71
F value	13,07					
R ²	0,80					

Theo kết quả xử lý trên thì $R^2 = 0,80 = 80\%$ có nghĩa là các biến trên làm thay đổi thu nhập mô hình 80%, còn lại 20% là do các yếu tố khác.

Hàm hồi quy của các biến tác động đến thu nhập mô hình có phương trình: $Y = 1.153,72 - 97,72X_1 - 84,876X_2 + 13.278,25X_3 + 2.451,43X_4 - 1,152X_5 + 1,416X_6 - 2,772X_7$.

3.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập mô hình Lúa - tôm càng xanh

Cũng theo kết quả bảng 5 cho thấy, đối với mô hình Lúa - tôm càng xanh, trong số các biến khảo sát thì biến chi phí vật tư có mối quan hệ có ý nghĩa

ở mức (1%) tác động tích cực đến biến phụ thuộc (thu nhập của mô hình). Có nghĩa là các yếu tố khác không thay đổi, khi chi phí vật tư tăng lên thêm 1.000 đồng thì thu nhập sẽ tăng 2.480 đồng. Các biến còn lại không ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình.

Theo kết quả xử lý thì $R^2 = 0,83 = 83\%$ có nghĩa là các biến trên làm thay đổi thu nhập mô hình 83%, còn lại 17% là do các yếu tố khác.

Hàm hồi quy của các biến tác động đến thu nhập mô hình có phương trình: $Y = -57.807,03 + 389,36X_1 + 410,35X_2 - 16.711,24X_3 + 14.702,13X_4 + 2,48X_5 + 345,32X_6 + 1,58X_7$.

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi qui tương quan MH2

Yếu tố	Hệ số B	SE	Beta	t	Sig.	VIF
X ₁ Kinh nghiệm sản xuất	389,36	675,34	0,05	0,57	0,57	2,08
X ₂ Tuổi chủ hộ	410,35	754,28	0,06	0,54	0,59	1,61
X ₃ Diện tích đất sản xuất	-16711,24	20335,20	-0,09	-0,82	0,42	1,06
X ₄ Trình độ học vấn	14702,13	10765,51	0,12	1,36	0,18	1,84
X ₅ Chi phí vật tư	2,48	0,40	0,72	6,12	0,00	1,86
X ₆ Tổng lao động	345,32	490,98	0,08	0,70	0,48	1,96
X ₇ Chi phí giống	1,58	0,92	0,21	1,71	0,10	1,96
Hằng số	-57807,03	43256,50		-1,33	0,19	
F value	16,07					
R ²	0,83					

3.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập mô hình Tôm càng xanh - Dừa

Kết quả bảng 6 cho thấy, đối với mô hình Tôm càng xanh - Dừa, trong số các biến khảo sát thì biến diện tích đất sản xuất và biến chi phí vật tư có mối quan hệ có ý nghĩa ở mức (1%) tác động tích cực đến biến phụ thuộc (thu nhập của mô hình). Có nghĩa

là các yếu tố khác không thay đổi, khi diện tích đất sản xuất tăng thêm 1 đơn vị diện tích thì thu nhập sẽ tăng 2.370 đồng, còn chi phí vật tư khi đầu tư tăng thêm 1.000 đồng thì thu nhập sẽ tăng 1.340 đồng. Các biến còn lại không ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình.

Bảng 6. Kết quả phân tích hồi qui tương quan MH3

Yếu tố	Hệ số B	SE	Beta	t	Sig.	VIF
X ₁ Kinh nghiệm sản xuất	-68,70	403,00	-0,01	-0,17	0,86	1,52
X ₂ Tuổi chủ hộ	3331,62	3061,79	0,10	1,08	0,28	1,47
X ₃ Diện tích đất sản xuất	2,37	0,25	0,79	9,45	0,00	1,12
X ₄ Trình độ học vấn	164,56	278,12	0,05	0,59	0,56	1,47
X ₅ Chi phí vật tư	271,22	4054,71	0,00	0,06	0,94	1,52
X ₆ Tổng lao động	77,78	217,68	0,03	0,35	0,72	1,43
X ₇ Chi phí giống	1,34	0,32	0,36	4,14	0,00	1,22
Hằng số	-8900,23	16346,31		-0,54	0,59	
F value	19,42					
R ²	0,86					

Theo kết quả xử lý trên thì $R^2 = 0,86 = 86\%$, có nghĩa là các biến trên làm thay đổi thu nhập mô hình 86%, còn lại 14% là do các yếu tố khác.

Hàm hồi quy của các biến tác động đến thu nhập mô hình có phương trình: $Y = -8.900,23 + 164,56X_1 + 77,78X_2 + 3.331,62X_3 + 271,22X_4 + 1,34X_5 - 68,70X_6 + 2,37X_7$.

3.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập đến mô hình Tôm sú - Lúa

Cũng theo kết quả bảng 7 cho thấy, đối với mô hình Tôm sú - Lúa trong số các biến khảo sát thì biến chi phí giống có mối quan hệ có ý nghĩa ở mức (1%)

tác động tích cực đến biến phụ thuộc (thu nhập của mô hình). Có nghĩa là các yếu tố khác không thay đổi, khi chi phí giống tăng thêm 1.000 đồng thì thu nhập sẽ tăng 1.830 đồng. Các biến còn lại không ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình.

Theo kết quả xử lý thì $R^2 = 0,76 = 76\%$ có nghĩa là các biến trên làm thay đổi thu nhập mô hình 76%, còn lại 24% là do các yếu tố khác.

Hàm hồi quy của các biến tác động đến thu nhập mô hình có phương trình: $Y = 10.243,54 + 559,18X_1 + 256,32X_2 - 4.680,16X_3 + 3.004,12X_4 + 0,39X_5 - 228,63X_6 + 1,83X_7$.

Bảng 7. Kết quả phân tích hồi qui tương quan MH4

Yếu tố	Hệ số B	SE	Beta	t	Sig.	VIF
X ₁ Kinh nghiệm sản xuất	559,18	452,65	0,17	0,09	0,86	1,34
X ₂ Tuổi chủ hộ	256,32	333,00	0,09	-0,15	0,28	1,42
X ₃ Diện tích đất sản xuất	-4680,16	3630,08	-0,15	0,11	0,60	1,17
X ₄ Trình độ học vấn	3004,12	2863,38	0,11	0,14	0,56	4,70
X ₅ Chi phí vật tư	0,39	0,59	0,14	-0,13	0,94	4,70
X ₆ Tổng lao động	-228,63	252,35	-0,13	66	0,72	2,00
X ₇ Chi phí giống	10,83	0,63	0,66	0,17	0,00	4,97
Hằng số	10243,54	16868,90		0,17		1,82
F value	10,34					
R ²	0,76					

3.3.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập mô hình Tôm quảng canh - Cua

Kết quả bảng 8 cho thấy, đối với mô hình Tôm quảng canh - Cua, trong số các biến khảo sát thì biến chi phí vật tư và biến diện tích có mối quan hệ có ý nghĩa ở mức (1% và 5%) tác động tích cực đến biến

phụ thuộc (thu nhập của mô hình). Có nghĩa là các yếu tố khác không thay đổi, khi chi phí vật tư tăng thêm 1.000 đồng thì thu nhập sẽ tăng 1.480 đồng, đối với biến diện tích khi diện tích tăng thêm một ha thì thu nhập sẽ tăng 35,95 triệu đồng, Các biến còn lại không ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình.

Bảng 8. Kết quả phân tích hồi qui tương quan MH5

Yếu tố	Hệ số B	SE	Beta	t	Sig.	VIF
X ₁ Kinh nghiệm sản xuất	-15,59	560,58	-0,003	-0,02	0,97	2,91
X ₂ Tuổi chủ hộ	12,19	485,00	0,003	0,02	0,98	2,63
X ₃ Diện tích đất sản xuất	35951,55	14673,91	0,26	2,45	0,03	2,56
X ₄ Trình độ học vấn	2669,69	9948,63	0,02	0,26	0,79	1,58
X ₅ Chi phí vật tư	1,48	0,18	0,94	8,26	0,00	2,74
X ₆ Tổng lao động	-437,51	567,86	-0,09	-0,77	0,45	2,91
X ₇ Chi phí giống	1,51	0,80	0,17	1,89	0,08	1,83
Hằng số	-6056,63	21144,45		-0,28	0,77	
F value	28,53					
R ²	0,94					

Theo kết quả xử lý trên thì $R^2 = 0,94 = 94\%$ có nghĩa là các biến trên làm thay đổi thu nhập mô hình 94%, còn lại 0,6% là do các yếu tố khác.

Hàm hồi quy của các biến tác động đến thu nhập mô hình có phương trình: $Y = -6.056,63 - 155,99X1 + 121,98X2 + 35.951,55X3 + 2.669,69X4 + 1,48X5 - 437,51X6 + 1,52X7$

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Vùng trong đê: Mô hình Tôm càng xanh - Lúa cho lợi nhuận cao nhất (37,4 triệu đồng/ha), mô hình Tôm càng xanh - Dừa cho lợi nhuận khá (34,03 triệu đồng/ha) và thấp nhất là mô hình sản xuất Lúa 02 vụ (25,6 triệu đồng/ha).

Vùng ngoài đê: mô hình Tôm quảng canh - Cua cho hiệu quả cao nhất (38,86 triệu đồng/ha và kế đến là mô hình Tôm sú - Lúa (28,6 triệu đồng/ha).

Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình là diện tích (càng lớn thì cho lợi nhuận cao), chi phí giống và chi phí vật tư (càng cao thì lợi nhuận càng giảm). Do đó, khi thực hiện các mô hình cần quan tâm đến các yếu tố trên để có lợi nhuận cao nhất.

4.2. Đề nghị

Các mô hình thích hợp đối với điều kiện hiện

tại, cần có những nghiên cứu những chuyên sâu thêm để làm cơ sở khoa học để đảm bảo tính phù hợp của các mô hình sản xuất khi thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp của địa phương; đồng thời, đáp ứng nhu cầu với thị trường để bảo đảm đầu ra có hiệu quả và ổn định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2016. Báo cáo tại Hội nghị sơ kết 03 năm về thực hiện Đề án tái cơ cấu Ngành Nông nghiệp.
- Nguyễn Duy Cần và Nico Vromant, 2006. Đánh giá nhanh nông thôn với sự tham gia của người dân.
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bến Tre, 2018. Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh Bến Tre.
- Thủ tướng Chính phủ, 2013. Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 về việc phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”.
- UBND huyện Thạnh Phú, 2018. Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp huyện Thạnh Phú.
- Helen E. Parson, 1999. Regional trends of agricultural restructuring in Canada. *Canada journal of Regional Science/Revue canadienne des sciences regionales*.

Evaluation of financial efficiency of cultivation models in agricultural re-structure in Thanh Phu district, Ben Tre province

Lam Van Linh, Vu Anh Phap, Ha Thanh Toan, Lam Van Tan

Abstract

Evaluation of the financial effectiveness of cultivation models in fresh, brackish and saline ecological zones inside and outside the dyke of Thanh Phu district, Ben Tre province aim to identify factors which affect the effective farming models in agricultural restructure. By surveying 150 households in three ecological areas of Thanh Phu district and applying the correlative regression analysis method showed that farm size, seed cost, material cost affected total sale of the model. For inside the dyke, the highest profit was recorded in the model of freshwater shrimp - rice; the model of fresh water shrimp - coconut gained high profit and the double rice crops gave the lowest profit. For outside the dyke, the extensive shrimp-crab model had the highest profit.

Keywords: Financial efficiency, fresh, brackish and saline ecological zones

Ngày nhận bài: 17/6/2019

Ngày phản biện: 4/7/2019

Người phản biện: TS. Nguyễn Đình Giang Nam

Ngày duyệt đăng: 9/8/2019